

CÔNG TY TNHH YS VINA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG
HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU YS VINA**

(Địa điểm: Lô E5, CCN Trường Xuân 1, phường Trường Xuân,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)

Quảng Nam, tháng 07 năm 2024

CÔNG TY TNHH YS VINA

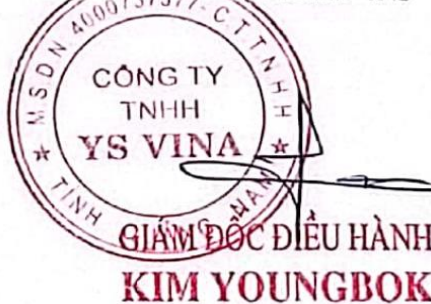


BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
Cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ GIA CÔNG
HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU YS VINA

(Địa điểm: Lô E5, CCN Trường Xuân 1, phường Trường Xuân,
thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH YS VINA



Quảng Nam, tháng 07 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	vii
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ Cơ sở	1
2. Tên Cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở	1
3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở	1
3.3. Sản phẩm của Cơ sở.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở.....	3
4.1. Nguyên, phụ liệu	3
4.2. Nhiên liệu	5
4.3. Hoá chất sử dụng.....	6
4.3. Khối lượng điện sử dụng.....	7
4.4. Khối lượng nước sử dụng	8
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	9
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	16
2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	17
b) Quản lý, thu gom CTR thông thường, CTNH của CCN	17
c) Đặc điểm khu vực nguồn tiếp nhận nước thải	17
d) Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải .	17
e) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận.....	18
f) Đánh giá khả năng chịu tải và tiếp nhận của môi trường không khí tại khu vực.....	18
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	20

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	20
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	22
2.1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển, đi lại của cán bộ, công nhân viên	22
2.2. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất:.....	22
2.3. Công trình, biện pháp xử lý khí thải lò hơi.....	23
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	28
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	28
3.2. Chất thải rắn sản xuất.....	28
3.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý thùng chứa hóa chất.....	29
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	30
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	32
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	32
6.1. Sự cố lò hơi	32
6.2. Sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	32
6.3. Sự cố, rủi ro do thiên tai.....	33
6.4. Sự cố rủi ro về điện, sét	33
6.5. Sự cố, rủi ro về tai nạn lao động	33
6.6. Sự cố, rủi ro về cháy nổ	34
7. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt trước đây	34
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG...	36
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:.....	36
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:.....	36
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	38
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí.	38
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	47

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	47
1.1. Vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý khí thải.	47
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	48
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	48
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	48
2.3. Chương trình giám sát đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại.....	49
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.	49
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	50
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	54
PHỤ LỤC BÁO CÁO	55

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
XLNT	: Xử lý nước thải
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CCN	: Cụm công nghiệp
TTCN	: Tiêu thủ công nghiệp

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Khối lượng nguyên phụ liệu sử dụng năm 2023	3
Bảng 1.2. Khối lượng hoá chất sử dụng trong năm 2023	6
Bảng 1.3. Khối lượng điện sử dụng của cơ sở.....	7
Bảng 1.4. Khối lượng nước sử dụng thực tế trong năm của cơ sở	8
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình xây dựng.....	10
Bảng 1.6. Máy móc, thiết bị của Cơ sở.....	12
Bảng 3.1. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ lò hơi	24
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLKT lò hơi	27
Bảng 3.3. Khối lượng CTNH phát sinh tại Cơ sở.....	30
Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt ..	34
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	37
Bảng 5.1. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD1, LD2, LD3 năm 2022.....</i>	<i>38</i>
Bảng 5.2. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD4, LD5, LD6 năm 2022.....</i>	<i>39</i>
Bảng 5.3. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD7, LD8, LD9 năm 2022.....</i>	<i>39</i>
Bảng 5.4. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD10, LD11, LD12 năm 2022.</i>	<i>40</i>
Bảng 5.5. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD13, LD14, LD15 năm 2022.</i>	<i>41</i>
Bảng 5.6. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD16, LD17, LD18 năm 2022.</i>	<i>42</i>
Bảng 5.7. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại KK1, KK2, KK3 năm 2022.</i>	<i>43</i>
Bảng 5.8. <i>Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại KK4, KK5 năm 2022.....</i>	<i>43</i>
Bảng 5.9. <i>Kết quả phân tích môi trường không khí bên trong ngày 22/03/2023.....</i>	<i>44</i>
Bảng 5.10. <i>Kết quả phân tích khí thải tại nguồn ngày 23/03/2023.....</i>	<i>45</i>

Bảng 5.11. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói lò hơi ngày 13/04/2023	46
Bảng 6.1. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm khí thải của nhà máy	47
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định	47
Bảng 6.3. Chương trình giám sát CTR, CTNH	49

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất	2
Hình 1.2. Nguyên liệu củi trấu.....	6
Hình 1.3. Phòng chứa hoá chất.	7
Hình 1.4. Một số hình ảnh các hạng mục công trình tại Cơ sở	11
Hình 1.5. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của cơ sở.....	15
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.....	20
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Cơ sở.....	21
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình thông gió làm mát tại nhà xưởng	23
Hình 3.4. Quy trình xử lý bụi và khí thải lò hơi	25
Hình 3.5. Kho chứa chất thải nguy hại	31

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ Cơ sở

- Tên chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA
- Địa chỉ văn phòng: Lô E5, Cụm công nghiệp Trường Xuân 1, phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
- Người đại diện theo pháp luật: Park KwonSoon; Chức vụ: Giám đốc;
- Điện thoại: 0235 3845 579; Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000737577, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19/06/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 4340232687, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2010; đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần 6 ngày 11/6/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

2. Tên Cơ sở

- Tên Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina.
- Địa điểm Cơ sở: Lô E5, Cụm công nghiệp Trường Xuân 1, phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
- Công ty TNHH YS VINA được UBND thành phố Tam Kỳ cấp giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-UBND ngày 14/1/2015.
- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm C, được phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công. Tổng vốn đầu tư xây dựng Cơ sở là 34.170.764.490 đồng (*Ba mươi bốn tỷ, một trăm bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, bốn trăm chín mươi ngàn đồng*), tương đương 1.535.419 USD (*Một triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm mười chín đô la Mỹ*).

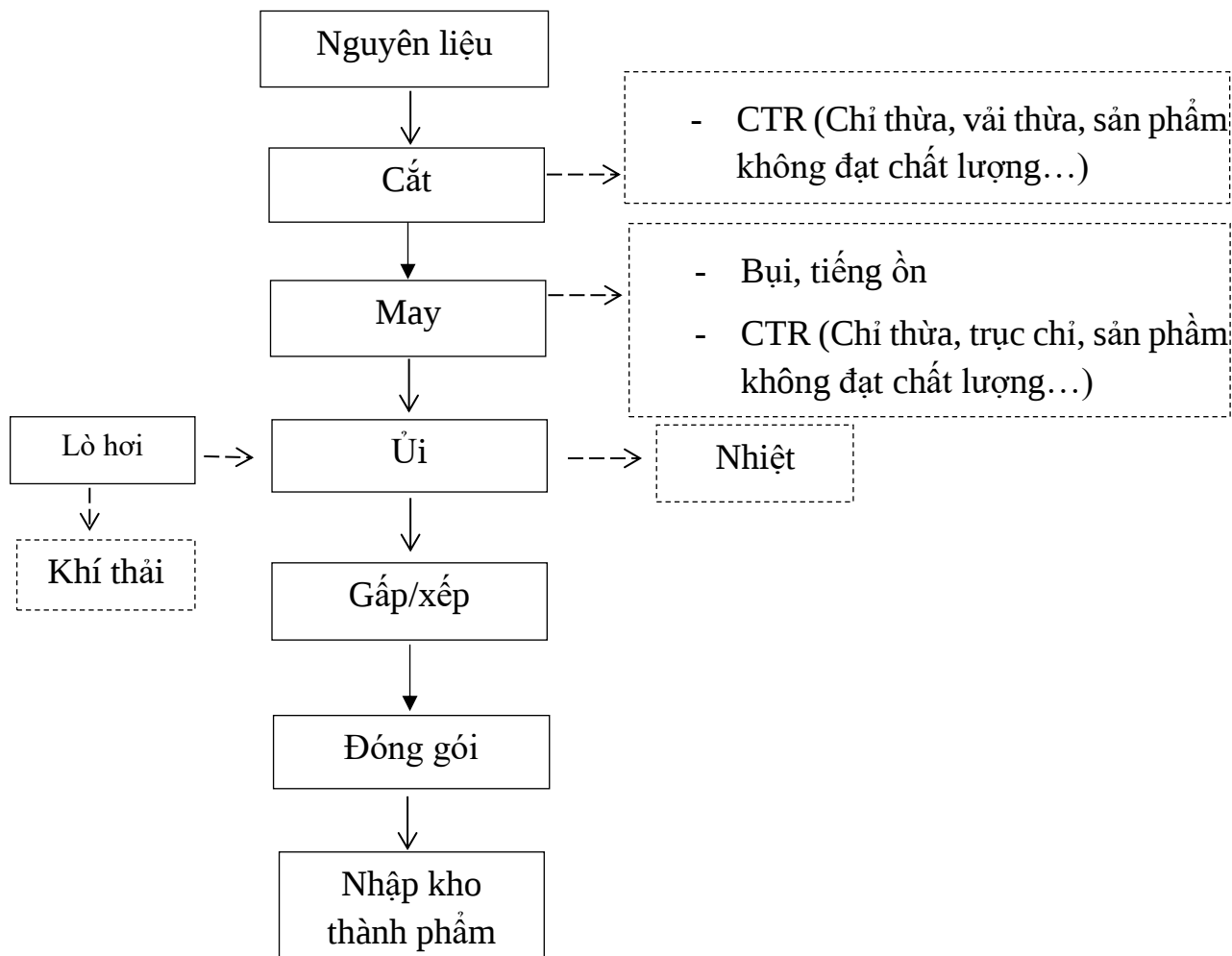
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở

Theo đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được UBND thành phố Tam Kỳ cấp tại xác nhận số 01/GXN-UBND ngày 14/01/2015, quy mô công suất của Cơ sở là: 1.800.000 sản phẩm/năm.

Tuy nhiên, nhằm đảm bảo sự phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc thay đổi theo từng đơn hàng may mặc nên Chủ Cơ sở xin điều chỉnh quy mô của Cơ sở, cụ thể: từ 1.800.000 sản phẩm/năm sang 18 chuyên may với 750 máy may.

3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở



Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ sản xuất

- Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:

+ Nhập nguyên liệu: Gồm các loại vải dạng cuộn tròn được nhập từ các nhà cung cấp từ trong và ngoài nước, các mẫu vải nhập về theo yêu cầu khách hàng, nguyên liệu được vận chuyển về bằng xe tải. Trong quá trình vận chuyển, vải cuộn được bọc trong túi nilon hình trụ, miệng kín nên không phát sinh bụi. Sau đó, nguyên liệu sẽ được công nhân vận chuyển thủ công vào kho chứa. Kho chứa được đặt riêng, vải cuộn đặt trên kệ có độ cao và thoáng để tránh ẩm mốc và các sự cố phát sinh. Đường nội bộ tại xưởng đã bê tông hóa nên không phát sinh bụi.

+ Công đoạn cắt: Công đoạn cắt sẽ do những thợ cắt chuyên nghiệp cắt theo

mẫu thiết kế của khách hàng. Vải được trải theo kích thước sơ đồ mẫu, cắt trực tiếp trên mẫu (bao gồm cắt và cắt gọt chi tiết). Trong bước này còn có bước phối kiện chi tiết, viết số theo từng bàn cắt, sau đó được chuyển chi tiết cắt sang bước tiếp theo. Trong công đoạn này, lượng chất thải phát sinh chủ yếu là các vải thừa và bụi vải. Các loại vải thừa sẽ được nhà máy tái sử dụng lại cho các chi tiết nhỏ như cổ áo, tay áo, túi quần... lượng vải rỏ còn lại thì được thu gom và xử lý như rác thải tái chế và bán cho đơn vị có chức năng thu mua định kỳ.

+ Công đoạn may: Sản phẩm sau khi cắt xong sẽ được kiểm tra chất lượng mẫu cắt trước khi đưa qua công đoạn may. Các thợ may có nhiệm vụ hoàn chỉnh sản phẩm theo từng công đoạn.

+ Công đoạn ủi: Ủi được coi là một khâu quan trọng trong sản xuất hàng may mặc. Nhờ công đoạn ủi mà sản phẩm có khuyết tật nhỏ trong khi may có thể sửa và làm đẹp. Bàn ủi được sử dụng nguồn nhiệt xuất phát bởi nước cấp từ lò hơi. Công nhân của bộ phận sẽ tiến hành kiểm tra công đoạn ủi, đánh nhãn sau đó chuyển sang công đoạn đóng bao. Tại công đoạn này có phát sinh một lượng nhiệt thừa tại vị trí công nhân làm việc nhưng không đáng kể.

+ Công đoạn gấp, xếp: Sản phẩm đạt chất lượng được gấp theo quy định về cách gấp và được ghim gài định vị theo đúng yêu cầu khách hàng.

+ Đóng gói: Các sản phẩm sẽ được kiểm tra, đóng gói sau đó nhập kho chờ xuất ra thị trường. Công đoạn này phát sinh lượng bao bì lỗi, thùng carton.

3.3. Sản phẩm của Cơ sở

- Các sản phẩm may mặc công nghiệp như quần, áo.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

4.1. Nguyên, phụ liệu

- Nguyên phụ liệu dùng trong sản xuất được Công ty hợp đồng mua, nhập về từ nhiều nước khác nhau như Việt Nam, Hàn Quốc...

Bảng 1.1. Khối lượng nguyên phụ liệu sử dụng năm 2023

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng	ĐVT	Nguồn cung cấp
1	Vải 93% Recycled Poly 7% Span 58/60"	630.968	yard	
2	Vải 80% Poly 20% Elastane khổ 60/62"	71.673	yard	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

3	Vải 82% Poly 18% Elastane khổ 60/62"	41.380	yard	VIỆT NAM HÀN QUỐC TRUNG QUỐC
4	Vải 90% Recycled Poly 10% Elastane khổ 58/60"	758.713	yard	
5	Vải 76% Polyester 19% Lyocell 5% Spandex khổ 61/63"	34.337	yard	
6	Vải 57% Cotton 38% Poly 5% Span khổ 58/60"	283.965	yard	
7	Vải 93% Recycled Poly 7% Span 57/60"	58.455	yard	
8	Vải 90% Poly 10% Span khổ 58"	5.627	yard	
9	Vải 86% Poly 14% Span khổ 52/54"	1.196	yard	
10	Vải 93% Poly 7% Span khổ 57/60"	49.683	yard	
11	Vải 91% Cotton 5% Poly 4% Span khổ 58/60"	19.003	yard	
12	Vải 57% Cotton 38% Poly 5% Span khổ 70/72"	13.258	yard	
13	Vải 55% Cotton 41% Poly 4% Span khổ 59/61"	4.759	yard	
14	Vải 93% Poly 7% Span khổ 56/58"	1.152	yard	
15	Vải 92% Poly 8% Span khổ 54/56"	20.879	yard	
16	Vải 93% Poly 7% Span khổ 58/60"	462.979	yard	
17	Vải 92% Poly 8% Span khổ 66/68	162.807	yard	
18	Vải 92% Poly 8% Span khổ 65/68	31.767	yard	
19	Vải 90% Polyester 10% Spandex khổ 64/66"	20.211	yard	
20	Vải 96% Ecovero Rayon 4% Span khổ 58/60"	201.768	yard	
21	Vải 79% Post-consumer Recycled 3%Polyester 18%Elastane 58/60"	57.025	yard	
22	Vải 57% Cotton 38% Poly 5% Span khổ	43.799	yard	

Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina**

	62/64"			
23	Vải 76% Polyester 19% Lyocell 5% Spandex khổ 61/63"	16.411	yard	
24	Vải 80% Poly 20% Elastane khổ 60/62"	13..233	yard	
25	Vải 82% Poly 18% Elastane khổ 60/62"	8209	yard	
26	Vải 90% Poly 10% Elastane khổ 58/60"	249.536	yard	
27	Vải 80% Nylon 20% Elastane khổ 58/60"	36.179	yard	
28	Vải 85% Poly 15% Elastane khổ 60/62"	53.579	yard	
29	Vải 57% Cotton 38% Modal 5% Elastane khổ 62/64"	119.876	yard	
30	Vải 88% Poly 12% Elastane khổ 63/65"	6.747	yard	
31	Vải 57% Cotton 38% Modal 5% Elastane khổ 58/60"	626	yard	
32	Vải 89% Poly 11% Elastane khổ 64/66"	28.358	yard	
33	Vải 97% Poly 3% Elastane khổ 58/60"	92.037	yard	
34	Vải 97% Poly 3% Elastane khổ 59/61"	137.378	yard	
35	Vải 96% Cotton 4% Elastane khổ 58/60"	123.544	yard	
36	Vải 60% Cotton 40% Modal khổ 62/64"	946	yard	
37	Vải 56% Cotton 37% Modal 2% Polyester 5% Span khổ 58/60"	838	yard	

4.2. Nhiên liệu

- Nhiên liệu sử dụng của Cơ sở là củi trấu được mua từ Cơ sở sản xuất củi trấu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để sử dụng cho đốt lò hơi. Đồng thời, Công ty cam kết chỉ sử dụng củi trấu là nhiên liệu đốt mà không dùng vải rẻ hay dầu DO để đốt lò.

- Khối lượng củi trấu sử dụng trong năm 2023 là 133.055 kg.



Hình 1.2. Nguyên liệu củi trấu

4.3. Hoá chất sử dụng

Để phục vụ cho hoạt động của nhà máy, Cơ sở đã sử dụng các hóa chất được tổng hợp tại bảng như sau:

Bảng 1.2. Khối lượng hóa chất sử dụng trong năm 2023

TT	Tên hóa chất	Khối lượng	ĐVT	Công dụng	Nguồn cung cấp
1	Acetone	140	Lít	Làm sạch vết bẩn	Cơ sở Trần Thị Muôn
2	Dầu máy	34	Lít	Bôi trơn bảo trì máy móc	Cơ sở Trần Thị Muôn
3	Chất tẩy dầu (Pull out)	75	Bình	Làm sạch vết bẩn	Công ty TNHH Kim Muôn
4	Bột giặt	50	Kg	Làm sạch vết bẩn	CoopMart
5	Sprayway c-60	74	Bình	Làm sạch vết bẩn	Công ty TNHH Kim Muôn
6	Mực sapphire	155	Lon	Mực in	Tập đoàn Inkcups Now
7	Dung môi EB	155	Lon	Pha mực in	Tập đoàn Inkcups Now
8	Xăng thơm	330	Lít	Bôi trơn bảo trì máy móc	Công ty TNHH TM & XD Hà Thạch

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

9	Ethanol	30	Lít	Làm sạch vết bẩn	Công ty TNHH Việt Mỹ Quảng Ngãi
10	Bột talc	25	Kg	Làm sạch vết bẩn	Công ty TNHH Việt Mỹ Quảng Ngãi

Một số hình ảnh tại phòng chứa hóa chất:



Hình 1.3. Phòng chứa hoá chất.

4.3. Khối lượng điện sử dụng

- Điện sử dụng cho mục đích chiếu sáng, hoạt động của các thiết bị trong sản xuất.

- Nguồn cung cấp điện: Lưới điện Quốc gia được hạ thế tại CCN Trường Xuân 1.

- Khối lượng điện sử dụng trung bình của Cơ sở vào năm 2022 khoảng 51.703 kWh/tháng, năm 2023 khoảng 44.414 kWh/tháng, cụ thể lượng điện tiêu thụ tại Cơ sở trong năm 2022 và 2023 được tổng hợp tại bảng dưới đây:

Bảng 1.3. Khối lượng điện sử dụng của cơ sở

STT	Thời gian	Khối lượng tiêu thụ (kWh/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tháng 1	62.800	24.960
2	Tháng 2	40.600	31.440

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina**

3	Tháng 3	57.900	51.720
4	Tháng 4	60.300	53.880
5	Tháng 5	65.100	45.840
6	Tháng 6	66.000	43.560
7	Tháng 7	53.900	42.960
8	Tháng 8	31.200	47.280
9	Tháng 9	33.720	45.120
10	Tháng 10	31.080	49.200
11	Tháng 11	51.120	41.154
12	Tháng 12	66.720	55.856
	Trung bình	51.703	44.414

4.4. Khối lượng nước sử dụng

- Hiện tại, lượng nước sử dụng tại Cơ sở chủ yếu là hoạt động vệ sinh của cán bộ công nhân viên và hoạt động của lò hơi.

- Nguồn cung cấp: Từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam.

- Khối lượng nước sử dụng thực tế lớn nhất của nhà máy vào năm 2022 là 2.344 m³/tháng tương đương với 78 m³/ngày. Lượng nước tiêu thụ tại nhà máy trong năm 2022 được tổng hợp tại bảng như sau:

Bảng 1.4. Khối lượng nước sử dụng thực tế trong năm của cơ sở

TT	Thời gian	Khối lượng nước tiêu thụ (m ³ /tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tháng 1/2022	2.183	1.235
2	Tháng 2/2022	711	909
3	Tháng 3/2022	2.344	1.552
4	Tháng 4/2022	1.987	1.544

Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA**Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

5	Tháng 5/2022	2.273	1.361
6	Tháng 6/2022	2.171	1.293
7	Tháng 7/2022	1.955	1.168
8	Tháng 8/2022	784	1.100
9	Tháng 9/2022	1.643	1.656
10	Tháng 10/2022	1.980	1.648
11	Tháng 11/2022	1.760	1.695
12	Tháng 12/2022	1.235	1.709
	Trung bình	1.752	1.404

- Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của Cơ sở gồm các nguồn sau:

+ Cấp nước cho sinh hoạt: $Q_{sh} = (q \times N \times K)/1000 = (25 \times 900)/1000 = 22,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

Trong đó: q: Tiêu chuẩn dùng nước, q = 25 lít/người/ngày.đêm (Lấy theo định mức nước tại bảng 4 (loại phân xưởng khác), TCXDVN 13606: 2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

N: Số CBCNV, N = 900 người

+ Nước cấp lò hơi: Lò hơi có công suất 310kg hơi/giờ (trong 1 giờ sẽ hóa hơi 2m^3 nước), một ngày làm việc 10h. Vậy lượng nước cấp tối đa cho lò hơi là $Q_{lh} = 20\text{m}^3$. Thực tế tại cơ sở, lượng hơi chỉ sử dụng để cung cấp hơi cho bàn ủi. Do đó, khi bàn ủi hơi hoạt động thì nước mới chuyển hóa thành hơi, lúc này mới thất thoát nước. Hiện tại, lượng nước cung cấp cho lò hơi mỗi ngày của cơ sở là $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình xây dựng của Cơ sở

Công ty TNHH YS VINA có địa chỉ tại Lô E5, CCN Trường Xuân 1, phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Cơ sở đã được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 548198 với diện tích là $5.934,6\text{ m}^2$. Ranh giới tiếp giáp được xác định như sau:

+ Phía Đông Nam: Giáp với Công ty cơ khí Nguyễn Đình Quang.

Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA

- + Phía Tây Bắc: Giáp với khu dân cư
- + Phía Đông Bắc: Giáp với khu dân cư
- + Phía Tây Nam: Giáp với đường chính vào CCN rộng 27m.

Việc điều chỉnh quy mô của cơ sở không làm phát sinh thêm việc thực hiện đầu tư xây dựng mới các công trình như nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ăn, nhà để xe...đồng thời không làm thay đổi hiện trạng kết cấu nhà xưởng, hoàn toàn đáp ứng đủ yêu cầu tối đa để phục vụ cho quá trình sản xuất. Cụ thể các hạng mục công trình xây dựng của Cơ sở như sau:

Bảng 1.5. Các hạng mục công trình xây dựng

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
I	Hạng mục công trình chính	3.499,4
1	Xưởng 1	1.685,4
2	Xưởng 2	1.304
3	Phòng hàng tồn	183
4	Phòng Y tế, nhà ăn quản lý, phòng cơ điện...	327
II	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	40,2
1	Lò hơi + Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	35,2
2	Kho chứa CTNH	5
III	Các công trình phụ trợ khác	2.395
	Tổng	5.934,6

Một số hình ảnh về hạng mục công trình xây dựng của nhà máy như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina



Hình 1.4. Một số hình ảnh các hạng mục công trình tại Cơ sở

Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA

5.3. Máy móc, thiết bị của Cơ sở

- Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất tại Cơ sở được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1.6. Máy móc, thiết bị của Cơ sở.

TT	Tên máy móc	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất
1	Kansai xén lai	Máy	36	2017
2	Kansai cơ	Máy	25	2013
3	Kansai điện tử	Máy	87	2015
4	3 kim đánh bông	Máy	05	2014
5	Máy viền ống bo tay	Máy	02	2015
6	Máy 1 kim đánh bọ	Máy	07	2011
7	Máy đánh bọ lập trình	Máy	21	2017
8	Máy zích zắc	Máy	01	2016
9	Máy vắt sỏ 2 kim, 4 chỉ	Máy	156	2017
10	Máy 2 kim móc xích	Máy	34	2015
11	Máy 1 kim	Máy	124	2011
12	Máy cuốn đáy - cuốn sườn điện tử	Máy	134	2014
13	Máy may công nghiệp 23 kim fx -4423p	Máy	03	2013
14	Máy may công nghiệp 3 kim xén	Máy	04	2014
15	Máy viền điện tử	Máy	40	2017
16	Ép keo, ép nhãn	Máy	10	2016
17	Máy gấp mép, viền	Máy	04	2012

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

18	Máy ép keo	Máy	02	2015
19	Máy ép keo quay	Máy	01	2014
20	Máy ép hình trên vải	Máy	02	2014
21	Đóng côi	Máy	03	2015
22	Cắt thun	Máy	07	2017
23	Máy tẩy vết bẩn trên vải dy55	Máy	01	2014
24	Máy vẽ sơ đồ 2 đầu phun	Máy	01	2014
25	Bảng cảm ứng vẽ sơ đồ	Bảng	01	2014
26	Máy dò kim Hashima HN-770g	Máy	01	2013
27	Máy kiểm vải	Máy	02	2013
28	Máy cắt vòng, YJ-108 (3000mm)	Máy	02	2013
29	Máy cắt dây viền TC-38	Máy	02	2013
30	Máy nén khí	Máy	03	2016/2021
31	Máy sấy khi tích hợp	Máy	01	2016
32	Lò hơi	Lò	01	2024
33	Máy lạnh	Máy	08	2018/2021/2022
34	Máy viền xén trái công nghiệp điện tử	Máy	10	2019
35	Lập trình	Máy	03	2018
36	Máy khuy điện tử sunsir	Máy	01	2019
37	Móc xích	Máy	10	2018

Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA

38	Kansai lung	Máy	06	2019
39	Máy in	Máy	13	2017/2018/2020
40	Máy cắt đầu chỉ	Máy	38	2020
41	Máy cắt vải tự động	Máy	01	2021
42	Ổn áp	Máy	01	2021
43	Máy trải vải tự động	Máy	01	2021
44	Máy xả vải từ cuộn	Máy	02	2021
45	Máy sấy khí	Máy	02	2022
46	Bình chứa khí nén	Máy	01	2022
47	Máy may đính bọ điện tử hikari	Máy	02	2022
48	Máy in mã vạch	Máy	01	2022
	Tổng cộng	Máy	823	

5.4. Số lượng nhân lực và chế độ làm việc của Cơ sở:

5.4.1. Số lượng nhân lực

- Số lượng cán bộ công nhân viên hiện tại của Cơ sở là 900 người,

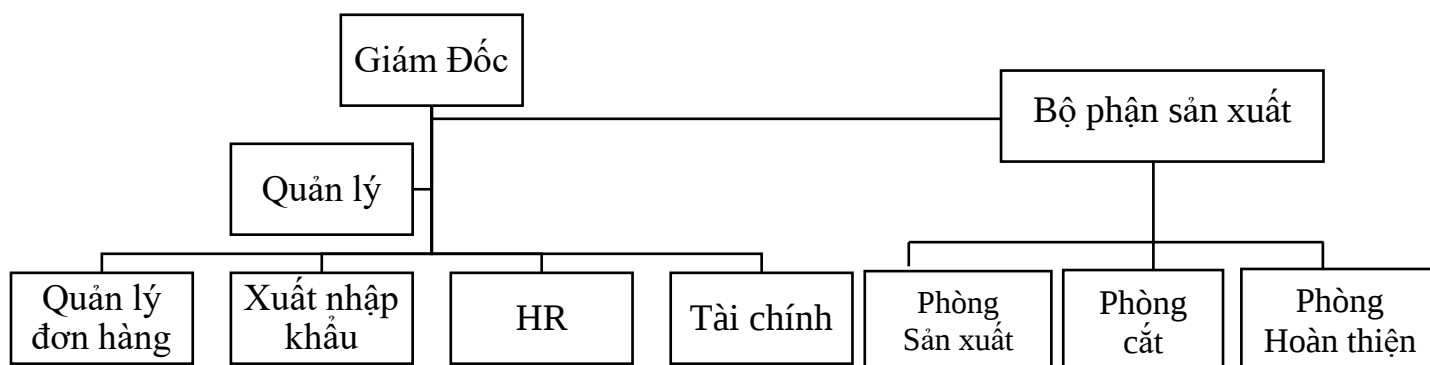
5.4.1. Chế độ làm việc

- Số ngày làm việc trong năm: 244 ngày

- Số ca làm việc trong ngày: 1 ca

- Số giờ làm việc trong 01 ca: 8 giờ

- Sơ đồ tổ chức của cơ sở diễn ra như sau:



Hình 1.5. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của cơ sở

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

- Cơ sở Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina do Công ty TNHH YS VINA làm chủ đầu tư, được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam – Phòng đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000737577, đăng ký lần đầu ngày 26/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19/06/2024. Cơ sở được xây dựng tại CCN Trường Xuân 1 với diện tích 5.934,6 m².

- CCN Trường Xuân 1 được thành lập theo theo Quyết định số 4265 ngày 6/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam do UBND thành phố Tam Kỳ làm chủ đầu tư. Đồng thời, được UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 06/7/2018. Trong đó, nước thải của CCN được thu gom và đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung thuộc dự án “Thu gom, xử lý nước thải CCN Trường Xuân và khu giết mổ gia súc phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam”.

- Dự án “Thu gom, xử lý nước thải CCN Trường Xuân và khu giết mổ gia súc phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam” đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 20/02/2009 và đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Giấy xác nhận số 321/GXN-STNMT ngày 26/3/2015.

- Các ngành nghề được phép đầu tư vào CCN Trường Xuân 1 gồm: Sản xuất may mặc, giày dép, sản xuất đá tinh khiết, sản xuất cơ khí; sản xuất các thiết bị điện; các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp sạch và ít ô nhiễm môi trường và các ngành khác phù hợp với lợi thế của địa phương. Do đó loại hình hoạt động của Cơ sở là sản xuất và gia công hàng may mặc nên hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề tại CCN Trường Xuân 1.

- Cơ sở Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina đã được UBND thành phố Tam Kỳ cấp Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại số 01/GXN-UBND ngày 14/01/2015. Cơ sở đi vào hoạt động đã tạo công ăn việc làm cho khoảng 900 lao động tại địa phương và các tỉnh lân cận, với thu nhập bình quân từ 6 – 15 triệu đồng/người/tháng. Cơ sở giúp giải

quyết được một lượng lao động tại địa phương, góp phần thúc đẩy, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thành phố Tam Kỳ nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung. Đồng thời, Cơ sở cũng đóng góp vào nguồn ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế.

- May mặc là một trong những ngành quan trọng trong xuất khẩu ở Việt Nam. Việc đầu tư Cơ sở Sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina là việc làm cần thiết, để có thể phục vụ tốt cho thị trường, cung ứng nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần vào quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Quảng Nam.

Do đó, việc đầu tư Cơ sở Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch bảo vệ môi trường và chủ trương phát triển kinh tế tại địa phương.

2. Sự phù hợp của Cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

a) Hệ thống thoát nước mưa, nước thải của CCN

Hiện nay CCN Trường Xuân 1 đã đầu tư hệ thống thoát nước mưa, nước thải và đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch.

- Hệ thống cống thu gom, thoát nước mưa đã được đầu tư hoàn chỉnh trên tuyến đường chính và nhánh của CCN. Nước mưa tại Cơ sở được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của CCN.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: CCN đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải phát sinh tại Cơ sở đầu nối trực tiếp vào hệ thống thoát nước chung và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN để xử lý.

b) Đặc điểm khu vực nguồn tiếp nhận nước thải

- Công ty TNHH YS VINA được xây dựng và hoạt động tại CCN Trường Xuân 1, phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở là đầu nối trực tiếp vào cống thoát nước chung của CCN và được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Trường Xuân 1 để xử lý, nên không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của nhân dân trong khu vực. Hệ thống cống thoát nước chung của CCN được thiết kế kín dọc theo tuyến đường giao thông của CCN.

c) Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Nước thải phát sinh của khu vực nguồn tiếp nhận gồm có nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt. Toàn bộ lượng nước thải của các công ty, nhà máy hoạt

động tại CCN đều đổ vào hệ thống cống thoát nước chung của CCN được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN.

d) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận

Nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở là cống thoát nước chung của CCN Trường Xuân 1, sau đó được dẫn về trạm XLNT tập trung của CCN.

Công ty TNHH YS VINA đã hợp đồng vận hành thu gom và xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam tại hợp đồng số 02/XLNT24, để thực hiện công việc vận hành thu gom, xử lý nước thải năm 2024 sau đó đầu nối trực tiếp nước thải vào trạm XLNT tập trung của CCN Trường Xuân 1, thành phố Tam Kỳ. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B trước khi xả vào môi trường.

Trạm XLNT tập trung của CCN Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ đã được đầu tư hệ thống XLNT có công suất 200m³/ngày.đêm, đưa vào hoạt động từ năm 2011, hệ thống này đang hoạt động ổn định, thu gom, xử lý nước thải cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trong CCN và lò giết mổ gia súc Trường Xuân. Trong năm 2022, UBND thành phố đã thực hiện cải tạo, sửa chữa một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Hiện tại đang hoạt động với công suất 120 m³/ngày.đêm¹. Do đó, việc xả thải của Cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường và phù hợp với hiện trạng thu gom, xử lý nước thải tại CCN Trường Xuân 1.

e) Quản lý, thu gom CTR thông thường, CTNH của CCN

CCN Trường Xuân 1 không xây dựng trạm trung chuyển CTR thông thường, CTNH cho toàn cụm. Do vậy, các loại CTR thông thường, CTNH phát sinh tại các Cơ sở sẽ do doanh nghiệp tự thu gom, phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định. Công ty TNHH YS VINA nằm trên trục đường chính của CCN nên rất thuận lợi cho việc hợp đồng vận chuyển đi xử lý các chất thải phát sinh.

f) Đánh giá khả năng chịu tải và tiếp nhận của môi trường không khí tại khu vực

Hoạt động tại Cơ sở Sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina chỉ phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển và bụi, khí thải từ

¹ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 trên địa bàn TP. Tam Kỳ của UBND thành phố Tam Kỳ.

hoạt động đốt nhiên liệu lò hơi.

Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển phát sinh không liên tục và nồng độ khí thải không nhiều (lượng xe tải vận chuyển hàng hóa không nhiều và đường giao thông nội bộ được thảm nhựa).

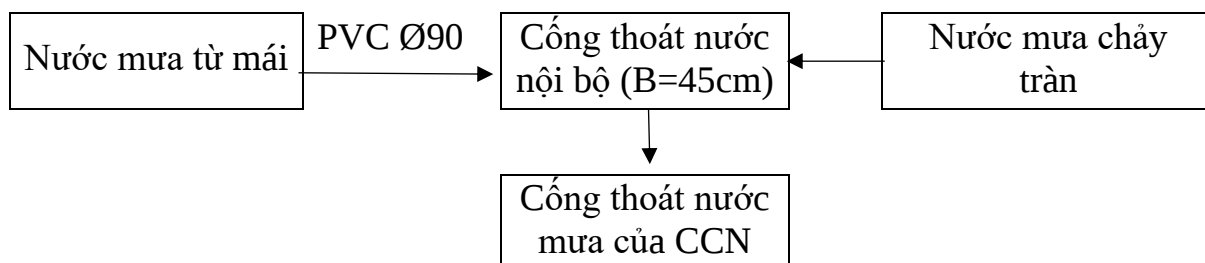
Đối với khí thải phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu lò hơi được xử lý đạt quy chuẩn môi trường QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải vào môi trường không khí. Do Cơ sở chỉ sử dụng nhiên liệu đốt là củi trấu, thời gian đốt lò không nhiều (chỉ đốt lò khi cần hơi để ủi) không gây ảnh hưởng đáng kể đến môi trường. Hiện trạng môi trường không khí tại khu vực thực hiện Cơ sở chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Vì vậy việc xả khí thải của Cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường không khí tại khu vực.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở

- Toàn bộ nước mưa chảy tràn được thu gom bằng cổng thoát nước mưa nội bộ (B=45cm).

- Nước mưa từ mái sẽ được thu gom bằng ống thoát nước mái Ø90 chảy vào cổng thoát nước mưa nội bộ (B=45cm).

- Sau đó đổ ra cổng thoát nước của CCN Trường Xuân 1 tại vị trí có toạ độ X(m)=1720731; Y(m)=578125 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°). Tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa khoảng 312m.

* Biện pháp thu gom, thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước mưa của Cơ sở là về cổng thoát nước chung của CCN Trường Xuân 1.

- Toàn bộ diện tích sân của công ty đều được bê tông hoá nhằm hạn chế cuốn trôi đất cát, rác thải.

- Bố trí công nhân hằng ngày quét dọn, thu gom gom toàn bộ chất thải tập kết đúng nơi quy định, không để rơi vãi trên mặt bằng trong khuôn viên Công ty.

- Thường xuyên nạo vét hố ga thu nước theo định kỳ để nước mưa có thể tiêu thoát một cách triệt để, không gây ứ đọng.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

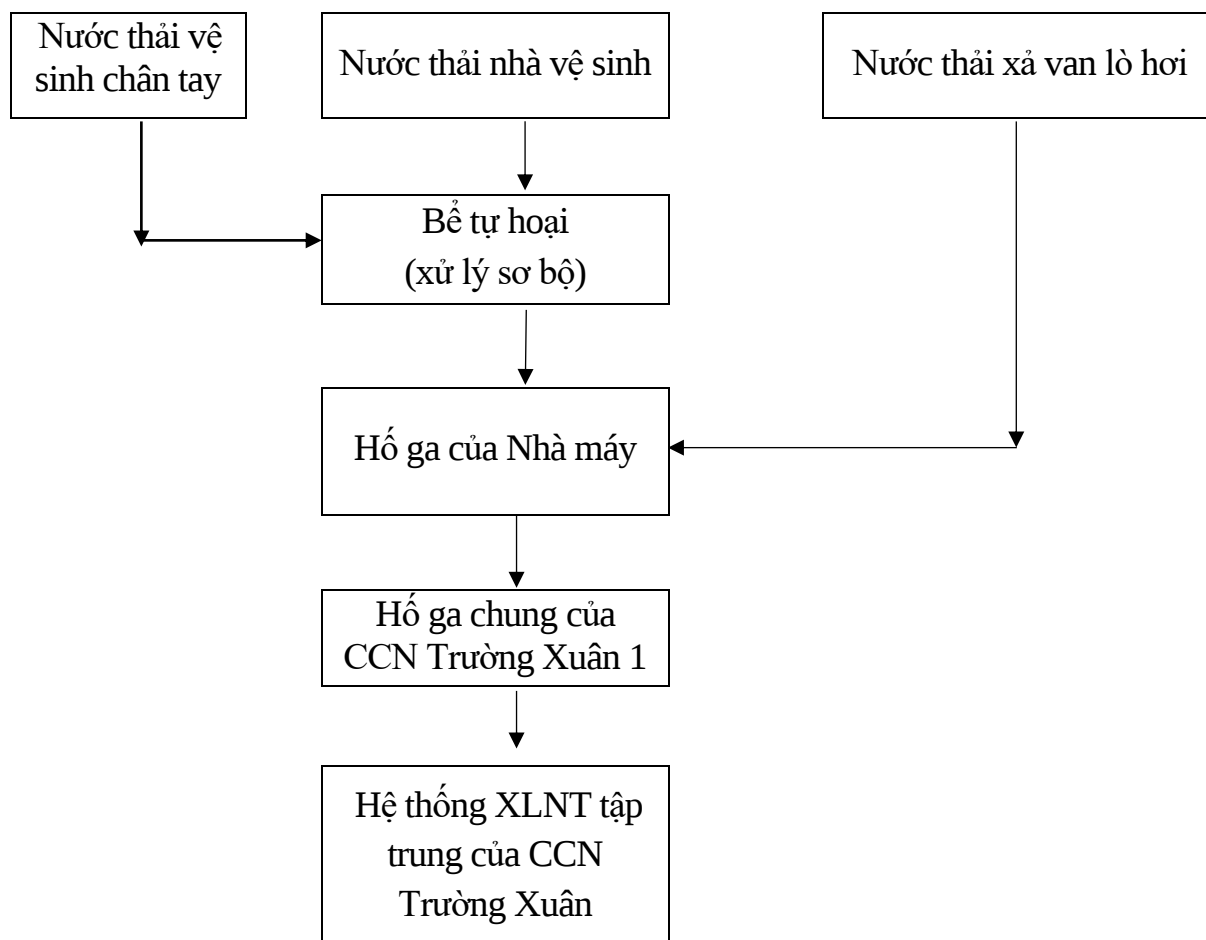
a. Mạng lưới thu gom, đầu nối nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải phát sinh từ sinh hoạt cá nhân (từ nhà vệ sinh và nước rửa tay chân) của cán bộ công nhân viên tại nhà máy.

Nhà máy sử dụng suất ăn công nghiệp được mua từ bên ngoài để phục vụ

cho toàn bộ CBCNV làm việc tại nhà máy do đó không phát sinh nước thải từ nhà ăn.

Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy diễn ra như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Cơ sở

- Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn tại nhiều khu riêng biệt. Nước thải sẽ theo đường ống PVC Ø90 theo hệ thống thoát nước của Công ty và đầu nối và công thu gom nước thải của CCN. Nước thải này chủ yếu chứa hàm lượng chất dinh dưỡng cao, các vi sinh vật gây bệnh cho người.

- Nước thải rửa mặt, tay chân theo đường ống PVC Ø90 theo hệ thống thoát nước của Công ty và đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của CCN. Thành phần ô nhiễm có trong nước thải tương đối thấp.

- Nước thải xả van lò hơi sẽ được dẫn theo đường ống PVC 114 đầu nối về hố ga thu nước thải của CCN.

➔ Toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh tại nhà máy sau khi được dẫn về hố ga thu nước thải chung của CCN sau đó sẽ được đầu nối trực tiếp vào trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ.

b. Công trình xử lý nước thải

Hiện tại, công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn, 01 bể tự hoại có thể tích 35m^3 tại nhà làm việc, 01 bể tự hoại đặt tại khu vực nhà xưởng khoảng 35m^3 . Tổng thể tích các công trình bể tự hoại là 70m^3 để xử lý toàn bộ nước thải từ các nhà vệ sinh tại khu vực nhà máy.

Công ty TNHH YS VINA đã ký hợp đồng số 02/XLNT2024 ngày 17/02/2024 với Công ty Cổ phần môi trường Đô thị Quảng Nam để thực hiện công việc vận hành thu gom, xử lý nước thải cho Công ty TNHH YS VINA tại Lô E5, CCN Trường Xuân 1, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam. Nước thải của nhà máy sau khi xử lý sẽ được đầu nối 100% vào trạm XLNT tập trung của CCN và khu giết mổ gia súc tập trung của phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ tại điểm nằm trên trục đường chính có tọa độ: $X(m)=1720731$; $Y(m)=578125$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển, đi lại của cán bộ, công nhân viên

- Xây dựng nội quy bãi đỗ xe, bố trí nhân viên hướng dẫn xe ra vào, tránh gây ách tắc giao thông.

- Các phương tiện vận chuyển hàng hoá lưu thông trong khu vực nhà máy cần phải đảm bảo chỉ tiêu về tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì các phương tiện vận chuyển.

- Bê tông hóa đường ra vào, lát gạch, tránh gây ách tắc giao thông, đồng thời tăng cường trồng cây xanh tại khu vực cổng vừa tạo cảnh quan, vừa hạn chế phát tán bụi ra xung quanh.

2.2. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất:

Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất từ các công đoạn cắt, may, hoàn thiện sản phẩm, trong đó bụi phát sinh từ công đoạn cắt là chủ yếu. Thành phần chủ yếu là các hạt bụi nhẹ, dạng sợi, nồng độ phát sinh không lớn.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân trực tiếp làm việc tại phân xưởng sản xuất.

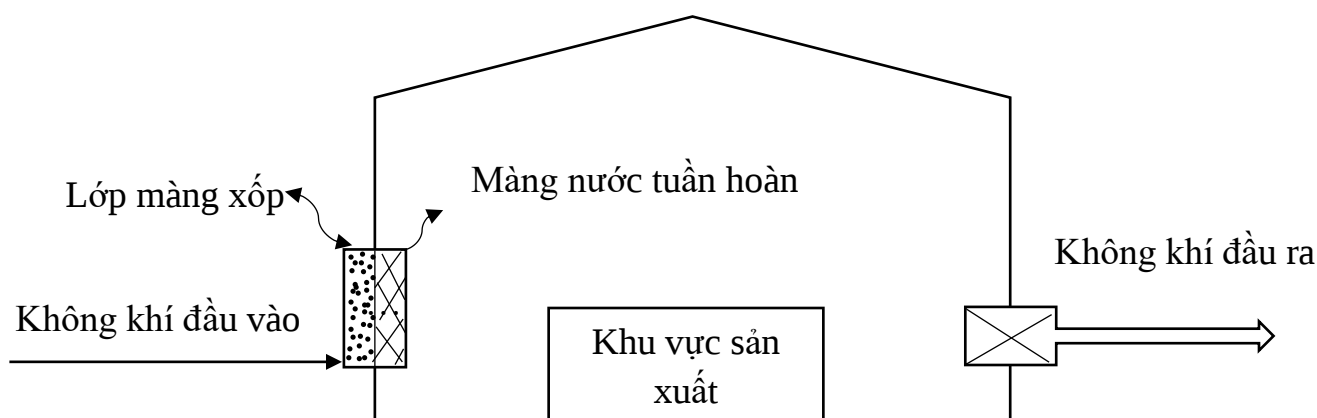
+ Lắp đặt quạt gió tại khu vực xưởng may để đảm bảo không khí được đối lưu tốt, tạo môi trường làm việc thông thoáng.

+ Phân công công nhân quét dọn sạch sẽ nhà xưởng sau mỗi ngày làm việc để thu gom bụi rơi vãi trên mặt bằng.

** Hệ thống thông gió, điều hòa không khí*

Cơ sở đầu tư hệ thống thông gió và điều hòa không khí là công nghệ làm mát không khí bằng nước. Bên cạnh đó, cơ sở bố trí hệ thống làm mát như sau:

Hệ thống thông gió xưởng may bao gồm quạt và hệ thống làm mát không khí bằng nước. Không khí bên ngoài là không khí nóng khô, được đưa qua lớp màng xốp, tại đây diễn ra quá trình trao đổi nhiệt giữ nước, làm giảm nhiệt độ của không khí bên trong nhà xưởng, tạo môi trường và khí hậu mát mẻ cho công nhân lao động.



Hình 3.3. Sơ đồ quy trình thông gió làm mát tại nhà xưởng

2.3. Công trình, biện pháp xử lý khí thải lò hơi

- Hiện tại Cơ sở đang sử dụng 01 lò hơi công suất 350 kg hơi/h để cung cấp nhiệt cho công đoạn ủi. Nguyên liệu sử dụng để đốt lò hơi là củi trấu. Do đó trong quá trình hoạt động lò hơi sẽ phát sinh một lượng khí thải như SO_2 , CO_x , NO_x ... và tro bụi gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Tải lượng ô nhiễm:

Hiện tại Công ty sử dụng củi đốt cho lò hơi là 750 kg/ngày.

Lưu lượng khí thải được tính theo công thức:

$$L = Bx[V_0^{20} + (\alpha - 1)V_0]x[(273 + T)/273] = 741 \text{ m}^3/\text{h} [^2]$$

Trong đó:

² Sổ tay hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp – Tập 2: Xử lý khói lò hơi – Tp.HCM, 1999.

- B: lượng củi đốt lớn nhất trong 1 giờ (kg/h) = 94 kg/h (Khối lượng củi sử dụng trung bình 750 kg/ngày, ngày hoạt động khoảng 8 tiếng).

- V_0 : Lượng không khí cần để đốt cháy 1kg củi. $V_0 = 3,43 \text{ m}^3/\text{kg}$

- V_0^{20} : Lượng khối (25°) sinh ra khi đốt 1kg củi. $V_0^{20} = 4,23 \text{ m}^3/\text{kg}$

- α : Hệ số thừa không khí, $\alpha = 1,25 - 1,3$. Lấy $\alpha = 1,25$

- T: nhiệt độ khí thải, $T = 150^\circ\text{C}$

- Thành phần của củi như sau:

$A_p = 1,5\%$; $H_p = 6\%$; $C_p = 49,5\%$; $N_p = 0,2\%$

$O_p = 42,7\%$; $S_p = 0,1\%$; $W_p = 0\%$

- Hệ số cháy không hoàn toàn : 0,015

- Hệ số thừa không khí (α): 1,2

- Hệ số tro bụi bay theo khối (a) : 0,8

- Nhiệt độ (t): 150°C

- Lưu lượng khối ở điều kiện thực tế (L_T): $0,181 \text{ m}^3/\text{s}$

- Lưu lượng khối ở điều kiện tiêu chuẩn (L_C): $0,1045 \text{ m}^3/\text{s}$

Kết quả tính toán tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm dựa vào thành phần của củi và lượng củi sử dụng (theo tài liệu 'Ô nhiễm không khí và Xử lý khí thải', tập 2 của Trần Ngọc Chấn, 2004) như sau:

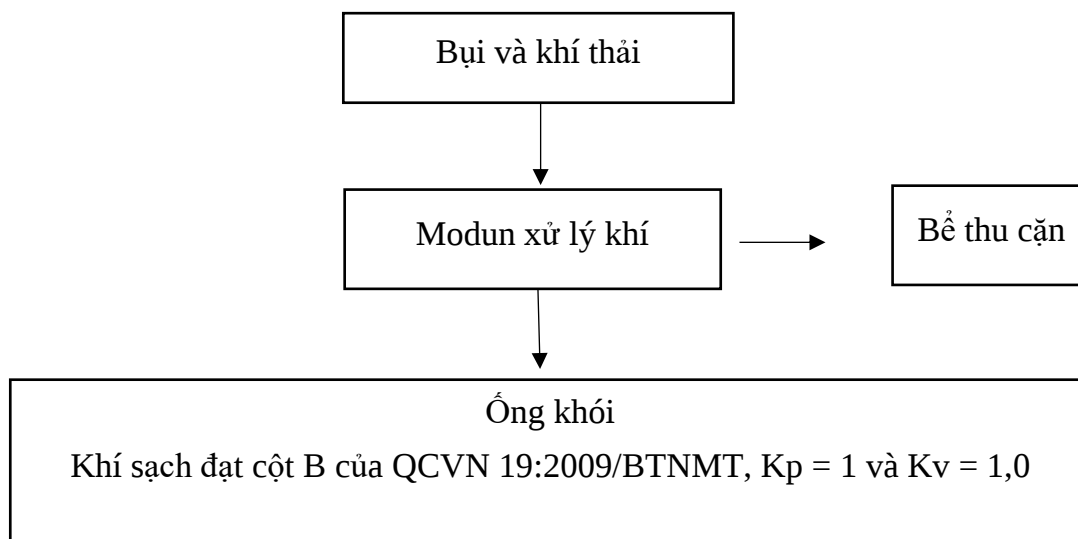
Bảng 3.1. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ lò hơi

Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) ³
Bụi	0,7813	7479,5	200
SO ₂	0,1665	1594,4	500
NO _x	0,0226	216,7	850
CO	0,1574	2,034	1000

So sánh với kết quả tính toán với QCVN 19:2009/BTNMT cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ việc đốt củi tại lò hơi vượt giới hạn cho phép

³ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

** Để xử lý lượng bụi và khí thải này Cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý như sau:*



Hình 3.4. Quy trình xử lý bụi và khí thải lò hơi

** Thuyết minh quy trình vận hành xử lý khí thải lò hơi:*

Nhiên liệu được đốt cháy trong buồng đốt qua cửa cung cấp nhiên liệu ở phía trước lò hơi. Lượng nhiên liệu này bị đốt cháy sẽ tỏa ra một lượng nhiệt để chuyển hóa nước từ thể lỏng sang thể hơi. Đồng thời, lượng nhiên liệu bị đốt sẽ tạo ra một lượng khí thải, chủ yếu là khí cacbonic (CO₂), Monooxit (CO) và bụi tro. Bụi tro được thu gom và chất thành đồng tại kho bãi của nhà máy sau đó hợp đồng với Cơ sở kinh doanh Bích Huyền để thu gom và vận chuyển tro đốt lò mang đi xử lý. Lượng khí thải tạo ra cũng được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải khép kín, đảm bảo không gây ra ô nhiễm môi trường sinh thái.

Khói thải sau khi trao đổi nhiệt trong nồi hơi và được dẫn qua hệ thống xử lý khí thải. Khói thải sau khi đi qua khói lò hơi sẽ tiếp tục dẫn vào hệ thống xử lý hấp thụ, có vật liệu xử lý khí, tại đây dòng khói bụi được lọc qua hệ thống bơm và bết phun; các hạt bụi có kích thước rất nhỏ sẽ rơi xuống bể tách cặn. Tại đây những hạt bụi nhỏ sẽ tiếp xúc với nước và qua không gian đột mở, các hạt bụi mất động năng rơi xuống bể thu hồi thành bùn hữu cơ. Khói sạch sau khi xử lý được dẫn lên ống khói cao 12m, đường kính 30cm đi ra môi trường bên ngoài.

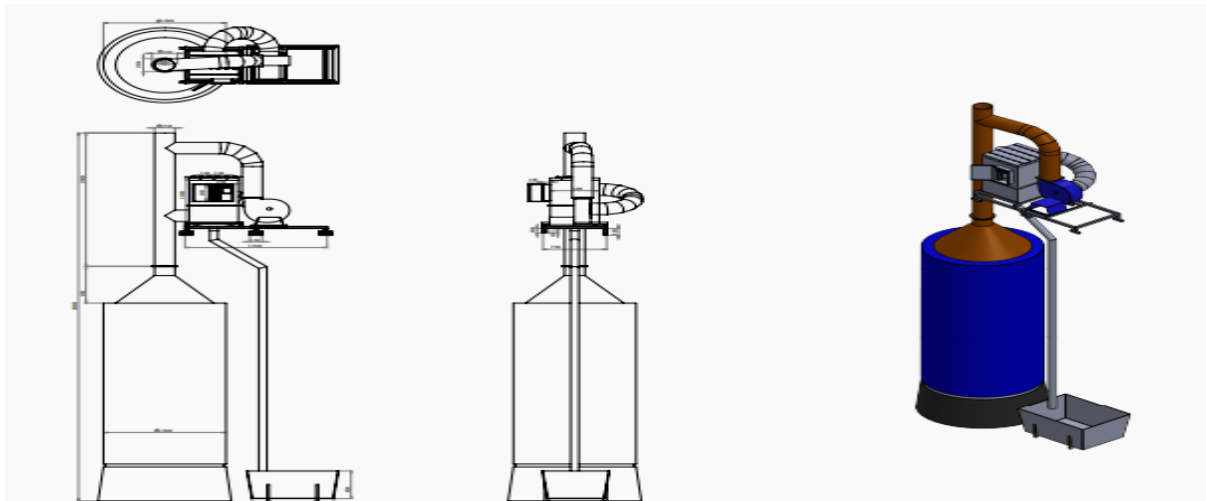
Nước thải và bụi sau khi thu hồi về bể cho quá trình xử lý khí thải và nước thải chứa các chất kết tủa, bùn cặn được định kỳ xả vào bể tách cặn. Phần bùn cặn dưới đáy bể sẽ tiến hành xử lý định kỳ.

** Thuyết minh quy trình vận hành lò hơi.*

- Công tác chuẩn bị đốt lò.
- + Trước khi khởi động lò sẽ kiểm tra.
- + Nước trong bể chứa.
- + Mức nước trong lò hơi chưa đủ phải bổ sung cho đủ.
- + Tất cả các van trên đường nước cấp, đường dầu và cửa gió phải mở, các van còn lại trên lò hơi phải đóng.
- + Hệ thống điện lò hơi và bộ điều khiển mức nước lò hơi.
- + Cho viên trấu nén vào buồng đốt với một lượng vừa phải.
- + Bình chữa cháy luôn trong điều kiện sẵn sàng.
- Khởi động lò.
- + Đóng aptomat tổng của tủ điện.
- + Bật công tắc bơm nước về vị trí tự động và tiến hành nhóm lò. Khi quá trình cháy đã ổn định thì mới khởi động quạt gió.
- + Dựa vào áp hơi tiến hành xả đáy lò hay mở van chính cấp hơi.
- Vận hành lò
- Khi lò hơi đang hoạt động bình thường, công nhân vận hành sẽ thường xuyên có mặt tại nhà lò hơi.
- + Kiểm tra nước trong bể chứa.
- + Quan sát sự hoạt động của lò bằng cách theo dõi mức nước trên ống hủy, áp suất hơi trong lò.
- + Chế độ xả đáy lò hơi: 1 tuần/lần.
- + Trong 1 ca vận hành ít nhất sẽ xả van an toàn bằng tay một lần.
- Ngừng lò:
- + Chuyển các công tắc về vị trí OFF
- + Tắt công tắc aptomat tủ điện
- + Đóng van hơi chính và các van chặn trên đường bơm cấp nước
- + Làm vệ sinh nhà lò

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLKT lò hơi

STT	Thiết bị	Giá trị thông số
1	Công suất lò hơi đứng đốt bằng củi	350kg hơi/h
2	Áp suất thiết kế	10 kg/cm ²
3	Nhiệt độ	165 ⁰ C
4	Diện tích tiếp nhiệt	20m ²
5	Dung tích của nồi hơi	- Phần chứa hơi: 0,1 m ³ - Phần chứa nước: 0,25 m ³
6	Quạt cấp gió truyền động trực tiếp	- Lưu lượng: 3.300 – 5.000 m ³ /h - Công suất: 1,5Kw/4P/380V
7	Ống khói	Cao 12m
8	Bộ làm mềm nước công suất 500 lít	
8.1	Cột lọc composite 1054	- Mole: 1054 - Kích thước: D250 x H1400 - Số lượng: 01 bình
8.2	Van tự động	- Lưu lượng max: 6m ³ /h - Số lượng: 01 van
8.3	Bồn muối tái sinh 100L	- Số lượng: 01 Bồn



3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Toàn bộ chất thải rắn phát sinh tại nhà xưởng được công nhân thu gom và phân loại trực tiếp tại nguồn, cụ thể:

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

CTR sinh hoạt phát sinh tại nhà máy có thành phần chủ yếu là các chất thải gồm: giấy vụn, bao bì carton, nilong, các vật dụng bằng nhựa, thủy tinh như bút, chai lọ, vỏ bánh, kẹo, vỏ trái cây...). Khối lượng phát sinh khoảng 65m³/tháng.

- Để thu gom, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

+ Chủ đầu tư bố trí các thùng chứa rác tại khu vực làm việc, nhà văn phòng, khu vực đường nội bộ và xung quanh nhà máy.

+ Toàn bộ chất thải được nhân viên vệ sinh thu gom, lưu giữ tại các thùng chứa rác lớn có dung tích 240 lít bố trí tập trung tại khu vực đường nội bộ (Nhà máy không xây dựng kho chứa rác thải sinh hoạt) sau đó hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam định kỳ 03 lần/tuần vận chuyển đi xử lý tại hợp đồng số 50/TK24 ngày 28/12/2023 (*được đính kèm tại phần phụ lục*). Vì vậy sẽ không xảy ra tình trạng lưu giữ quá lâu chất thải rắn sinh hoạt dẫn đến tình trạng quá tải cũng như gây mùi.

+ Số lượng thùng rác đã bố trí tại nhà máy gồm: 02 thùng rác có dung tích 240 lít, 5 thùng rác có dung tích 6 lít...

+ Đối với CTR có thể tái chế phát sinh chủ yếu gồm giấy văn phòng, bao bì carton, bọc nilon, nhựa ...: Thu gom và bán lại toàn bộ rác thải tái chế cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu thu mua (*Hợp đồng được đính kèm tại phụ lục*).

3.2. Chất thải rắn sản xuất

- Nguồn phát sinh: CTR sản xuất phát sinh tại nhà máy chủ yếu gồm: Vải rẻ, trục chỉ, chỉ thừa; phụ liệu (thun, dây trang trí thừa, nút hồng...); phế liệu như giấy văn phòng, bì carton và tro xỉ phát sinh từ lò hơi.

+ Khối lượng CTR sản xuất (vải rẻ, phụ tùng, phụ kiện hư hỏng, giẻ vụn, chỉ thừa...): Trung bình phát sinh khoảng 4.000kg/tháng.

+ Khối lượng phế liệu (Giấy văn phòng, bì carton) phát sinh trung bình khoảng: 3.000 kg/tháng.

+ Khối lượng tro phát sinh từ hệ thống lò hơi khoảng: 2.500kg/tháng.

- Biện pháp thu gom:

+ Bố trí công nhân hằng ngày đi thu gom toàn bộ CTR phát sinh từ các khâu sản xuất bỏ vào thùng rác 240l và các bao tải to đặt tại kho chứa chất thải rắn sản xuất.

+ Nhà máy đã xây dựng kho chứa CTR công nghiệp với diện tích 18m² để lưu trữ toàn bộ CTR công nghiệp của nhà máy. Kết cấu kho chứa là nhà kho có mái che, có cao độ nền đảm bảo không ngập lụt, nền trát bê tông đảm bảo kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn vào.

+ Đối với các loại vải vụn, chỉ thừa: Nhà máy sẽ tiến hành phân loại mặt hàng vải thành 02 loại bao gồm vải có kích thước lớn và vải có kích thước nhỏ, sau đó sẽ bán lại cho Công ty TNHH Lan Nam Long theo hợp đồng số 14/2022.HĐ-LNL-YS VINA ngày 01/12/2022. *(Hợp đồng được đính kèm tại phụ lục).*

+ Các loại CTR tái chế (trục chỉ, nút...): Thu gom riêng bán phế liệu.

+ Đối với tro, xỉ phát sinh tại lò hơi: Bố trí nhân viên thu gom vào các bao tải lớn, sau đó tập kết tại khu vực nhà lò hơi có mái che, khi lượng tro xỉ nhiều thì Công ty sẽ hợp đồng với Cơ sở kinh doanh Bích Huyền để thu gom và vận chuyển tro đốt lò hơi tại nhà máy đi xử lý theo quy định *(Hợp đồng được đính kèm tại phụ lục).*

+ Bùn cặn phát sinh tại bể tách cặn của hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Định kỳ sẽ nạo vét sau đó tận dụng bón cây xanh tại nhà máy và cho người dân xung quanh khu vực để làm phân bón.

+ Đối với các loại CTR công nghiệp không thể tái chế được thì Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam tại hợp đồng số 50/TK24 được ký ngày 28/12/2023 để thu gom, vận chuyển đi xử lý như CTR sinh hoạt.

3.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý thùng chứa hóa chất

- Các loại thùng chứa hóa chất của công ty sau khi sử dụng xong được Công ty tập trung lưu giữ tại kho chứa, sau đó hoàn trả lại cho nhà cung cấp.

- Lượng hóa chất thải dư thừa thì công ty sẽ hợp đồng với Công ty TNHH MTV Xử lý Môi trường Quảng Nam thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Hiện tại nhà máy đã có 01 kho chứa hóa chất với diện tích 23m². Kết cấu kho chứa được xây dựng bằng BTCT, có mái che, có cửa khóa và biển báo kho chứa hóa chất để nhân viên có thể dễ dàng nhận biết.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở chủ yếu từ hoạt động vệ sinh bảo dưỡng định kỳ máy móc trong nhà máy. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh không nhiều, gồm chủ yếu các loại có thành phần đơn giản như bóng đèn huỳnh quang thải, các loại mực in thải phát sinh tại khu vực văn phòng; giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì thải các loại có chứa thành phần nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng máy móc, chủ yếu phát sinh tại khu vực nhà xưởng sản xuất.

- Khối lượng CTNH phát sinh tại nhà máy được thống kê tại bảng sau:

Bảng 3.3. Khối lượng CTNH phát sinh tại Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Năm 2023			Đợt 1/2024	Phương pháp xử lý ⁽⁴⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
			Đợt 1 20/6	Đợt 2 12/9	Đợt 3 19/12			
1	Chất hấp thụ, bã lọc, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	23	15	21	22	TĐ-HR	Công ty TNHH MTV Xử lý Môi trường Quảng Nam
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10	01	7	04	Nghiên – HR - CL	
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	02	09	15	07	TĐ-HR	
4	Các loại mực in thải	08 02 01	05	32	02	02	TĐ-HR	
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 30	05	05	02	04	TĐ-HR	
Tổng số lượng			45	62	47	39		

- CTNH được thu gom và tập kết tại khu vực riêng biệt so với CTR thông thường. Phương thức thu gom cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải lỏng nguy hại (như dầu động cơ thải, mực in thải...): Thu gom và chứa trong các can chứa dầu, có nắp đậy kín để tránh chảy tràn, sau đó

⁴ Chú thích phương pháp xử lý: TĐ: Thiêu đốt; HR: Hóa rắn; CL: Chôn lấp.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

tập kết về lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH trước khi xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý.

+ Đối với các chất thải rắn nguy hại (*như chất thải dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in...*): Sau khi thu gom cho vào các túi ni lông buộc kín miệng, sau đó bỏ vào thùng rác có nắp đậy và lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH trước khi đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý.

+ Nhà máy bố trí 03 thùng rác có nắp đậy có dung tích 60 lít và 03 khay thứ cấp dùng để chứa chất thải nguy hại.

- Cơ sở đã xây dựng 01 kho chứa CTNH có diện tích 5m² để lưu giữ tạm thời CTNH trước khi xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển đi xử lý. Mặt sàn kho lưu giữ CTNH được xây dựng bằng bê tông cốt thép có cốt nền cao hơn so với cốt nền của Cơ sở để tránh mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che nắng, mưa cho toàn bộ kho lưu giữ CTNH. Kho chứa CTNH đã được dán nhãn cảnh báo, ghi rõ “*Khu vực chất thải nguy hại*” để công nhân phân biệt rõ. Đồng thời, bố trí sắp xếp lại các thùng chứa gọn gàng, sạch sẽ. Các thùng rác có nắp đậy kín phân loại từng loại chất thải nguy hại riêng biệt nhằm đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật.

- Công ty TNHH Ys Vina đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Xử lý Môi trường Quảng Nam thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định (tại Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 50/CTNH24 ngày 3/1/2024) với tần suất thu gom 3 tháng/lần.



Hình 3.5. Kho chứa chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:
 - + Tiếng ồn phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu tại công đoạn may và đóng gói, tại các công đoạn khác phát sinh không đáng kể.
 - + Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất và phương tiện đi lại của công nhân.
- Nhà máy không có các công trình thu gom, xử lý tiếng ồn, độ rung mà chủ yếu áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:
 - + Bố trí công nhân định kỳ kiểm tra, bảo trì máy móc, thay thế phụ tùng hư hỏng, tra dầu mỡ bôi trơn vào các ổ trục.
 - + Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị, vận hành đúng công suất để máy luôn hoạt động ở trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy hoạt động lâu ngày gây nên.
 - + Xây dựng nhà xưởng có kết cấu bao che vững chắc, xung quanh khuôn viên nhà máy được trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố lò hơi

- Yêu cầu công nhân vận hành theo dõi ống cấp thủy thêm kịp thời.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống cấp thủy, bơm cấp nước tránh tình trạng bị tắc nghẽn đường ống.
- Khi nước trong nồi hơi quá đầy cần tiến hành thông rửa ống nước, xả đáy để mực nước trở lại mức bình thường.
- Giảm cường độ đốt nhiên liệu khi áp suất nồi hơi tăng quá mức.
- Tiến hành vệ sinh nồi hơi theo đúng quy trình, vệ sinh định kỳ ống lửa, buồng lửa, đường thoát khói.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng quạt hút khí.

6.2. Sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Các sự cố có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của HTXL khí thải là các quạt hút bị hư hỏng, ống khói của lò hơi cao, gây tai nạn cho người lao động trong công tác quan trắc, lấy mẫu... Để phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra, Cơ sở áp dụng các biện pháp sau:
 - + Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị của

hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng công suất thiết kế, đúng quy trình kỹ thuật.

+ Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

+ Phối hợp với các đơn vị có chức năng tiến hành quan trắc chất lượng khí thải theo tần suất quy định.

6.3. Sự cố, rủi ro do thiên tai

- Xây dựng phương án phòng chống bão, lụt trước mùa mưa bão.

- Khi nhận được thông tin bão, lụt phải sơ tán và vận chuyển các trang thiết bị vật liệu đến nơi an toàn. Công việc này phải hoàn thành trước 24h khi bão đến, ưu tiên vận chuyển trước các vật liệu như xăng dầu, các thiết bị điện,...

- Khi mưa to kéo dài, Công ty sẽ huy động người chủ động khơi thông dòng chảy, cống thoát nước mưa trong khu vực Cơ sở. Đồng thời phối hợp với Ban quản lý CCN cũng như chính quyền địa phương tìm ra phương án tốt nhất để ứng phó khi xảy ra sự cố mưa lụt, ngập úng.

6.4. Sự cố rủi ro về điện, sét

- Trang bị các thiết bị điện có chất lượng tốt, đúng tiêu chuẩn và đúng công suất sử dụng.

- Sử dụng các thiết bị đúng công suất, lắp đặt các aptomat tại những vị trí thích hợp để phòng trường hợp quá tải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp điện và các thiết bị điện, kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố rò điện dẫn đến chập điện.

- Xây dựng nội quy về an toàn sử dụng điện, phổ biến một số hiểu biết cơ bản về an toàn điện cho công nhân viên.

- Công ty trang bị hệ thống chống sét gồm các cột thu lôi gắn trên nóc nhà, cột thu lôi được tiếp địa bằng những dây dẫn, đầu dây dẫn được chôn sâu dưới lòng đất, đảm bảo theo tiêu chuẩn tiếp địa chống sét.

6.5. Sự cố, rủi ro về tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân.

- Thiết kế nhà xưởng hợp lý kế hợp thông gió để tạo môi trường làm việc thông thoáng.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở để phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, tạo môi trường làm việc tốt nhất có thể cho người lao động.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và an toàn sản xuất.

6.6. Sự cố, rủi ro về cháy nổ

- Trang bị và lắp hoàn chỉnh hệ thống báo cháy tại các khu vực và phải được kiểm tra thường xuyên.

- Bố trí các họng tiếp nước chữa cháy và các tủ chữa cháy bên trong có vòi chữa cháy đặt xung quanh nhà xưởng sản xuất dùng để dập tắt đám cháy.

- Công nhân làm việc tại Cơ sở phải tuân thủ chặt chẽ quy tắc làm việc, nghỉ ngơi như hút thuốc đúng nơi quy định. Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở công nhân thực hiện đúng an toàn về công tác PCCC.

- Hiện tại, nhà máy đã trang bị đầy đủ các dụng cụ PCCC và đã có giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

7. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt trước đây

Công ty TNHH YS VINA được Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ cấp giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 01/GXN-UBND ngày 14/1/2015. Đến thời điểm hiện tại, Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS VINA có một số nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt như sau:

Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được phê duyệt

STT	Hạng mục	Theo Đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Thực tế	Lý do thay đổi
1	Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất	346 máy móc	823 máy móc	Công ty tăng thêm máy móc nhằm nâng cao hiệu quả làm việc
2	Quy mô Cơ sở	1.8 triệu sản phẩm/năm	18 chuyên may với 750 máy may	Nhằm phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu sản xuất, gia

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

				công các sản phẩm may mặc thay đổi theo từng đơn hàng
3	Địa điểm thực hiện	Lô E5, CCN&TTCN Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam	Lô E5, CCN Trường Xuân 1, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam.	Phù hợp với Quyết định số 4265/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập CCN Trường Xuân 1.
4	Vốn đầu tư	15.000.000.000	34.170.764.490	Cập nhật vốn đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy và mua sắm thêm máy móc, thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất.
5	Số lượng lò hơi	01 lò hơi có công suất: 210 Kg hơi/giờ	01 lò hơi có công suất 350 kg hơi/giờ	Đổi mới lò hơi để đảm bảo chất lượng hơi cung cấp

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS VINA do Công ty TNHH YS VINA làm chủ đầu tư, được xây dựng tại lô E5, CCN Trường Xuân 1, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Hiện tại, CCN Trường Xuân đã đầu tư hệ thống XLNT để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà máy và xí nghiệp tại khu vực này. Do đó, nước thải của Cơ sở sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn đều được thu gom theo hệ thống cống riêng và đầu nối dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Trường Xuân 1 để tiếp tục xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường nên không thuộc đối tượng đề nghị cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Công ty TNHH YS VINA đã ký hợp đồng vận hành thu gom và xử lý nước thải số 02/XLNT2024 ngày 17/01/2024 với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam (*Hợp đồng thu gom và xử lý nước thải được đính kèm ở phụ lục*).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của 1 lò hơi, có công suất 350 kg hơi/giờ.

+ Nhiên liệu sử dụng: Củi trấu

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Lưu lượng xả khí thải tối đa đề nghị cấp phép: $L = 5.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (theo công suất quạt hút).

- Dòng khí thải

+ Dòng khí thải đề nghị cấp phép: 01 dòng khí thải phát sinh từ hoạt động của 1 lò hơi có công suất 350kg hơi/giờ sau khi qua xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Dòng khí thải phát sinh tại lò hơi (Khí thải → Module xử lý khí → ống khói) sau đó theo 01 ống khói cao 12m thoát ra môi trường bên ngoài.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

+ Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: Bụi tổng; Lưu huỳnh đioxit (SO_2); Nitơ oxit (NO_x); Cacbon oxit (CO).

+ Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý phải đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số $K_p = 1$ và $K_v = 1$. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

theo dòng khí thải cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (Kp = 1; Kv = 1,0)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	500
3	Nitơ oxit (NOx)	mg/Nm ³	850
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	1.000

- Vị trí, phương thức xả khí thải

+ Vị trí xả khí thải: Khí thải lò hơi sau khi xử lý bụi và khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT sẽ được thải ra môi trường qua ống khói có chiều cao 15m, đường kính 30cm. Toạ độ vị trí xả khí thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰): X (m) = 1720766,34; Y (m) = 578200,59;

+ Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số Kp = 1 và Kv = 1,0 sẽ theo ống khói có chiều cao 12m, đường kính 30cm thoát ra ngoài môi trường.

+ Chế độ xả thải: Liên tục trong ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường không khí.

Công ty TNHH YS VINA đã phối hợp với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Nam Thành để lấy mẫu phân tích các thông số trong môi trường không khí tại khu vực phân xưởng sản xuất và một vị trí tại khu vực lò hơi. Kết quả như sau:

Bảng 5.1. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD1, LD2, LD3 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 08/9/2022			Đợt 2 24/9/2022			QCVN so sánh
			LD1	LD2	LD3	LD1	LD2	LD3	
1	Nhiệt độ	°C	30,8	30,7	30,6	28,8	28,8	28,7	18÷32 (*)
2	Độ ẩm	%	73,4	73,5	73,7	78,5	78,5	78,5	40-80 (*)
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	0,4	0,4	0,5	0,6	0,4	0,2-1,5(*)
4	Tiếng ồn	dBA	67,1	66,7	66,5	74,9	75,8	76,8	85 (**)
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,32	-	-	0,28	-	-	8 (***)
6	Ánh sáng	Lux	810	820	820	805	815	808	750(****)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ LD1: Khu vực chuyền may 1; Tọa độ: (X:1720732; Y:0578195).

+ LD2: Khu vực chuyền may 3; Tọa độ: (X:1720739; Y:0578197).

+ LD3: Khu vực chuyền may 5; Tọa độ: (X:1720734; Y:0578208).

- (*) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.

- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- (***) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.

- (****) QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD4, LD5, LD6 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 08/9/2022			Đợt 2 24/9/2022			QCVN so sánh
			LD4	LD5	LD6	LD4	LD5	LD6	
1	Nhiệt độ	°C	30,3	30,4	30,4	28,8	28,8	28,8	18÷32 (*)
2	Độ ẩm	%	74,2	73,5	73,4	78,5	78,5	78,5	40-80 (*)
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	0,5	0,4	0,5	0,5	0,6	0,2-1,5(*)
4	Tiếng ồn	dBA	68,2	70,1	70,1	76,5	76,9	74,9	85 (**)
5	Ánh sáng	Lux	800	890	810	791	800	810	750(***)

Ghi chú: - Vị trí lấy mẫu:

+ LD4: Khu vực chuyền may 7; Tọa độ: (X:1720729; Y:0578213).

+ LD5: Khu vực chuyền may 9; Tọa độ: (X:1720728; Y:0578209).

+ LD6: Khu vực chuyền may 11; Tọa độ: (X:1720720; Y:0578210).

- (*) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.

- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- (***) QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.3. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD7, LD8, LD9 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 08/9/2022			Đợt 2 24/9/2022			QCVN so sánh
			LD7	LD8	LD9	LD7	LD8	LD9	
1	Nhiệt độ	°C	30,6	30,6	30,7	28,7	28,2	28,8	18÷32 (*)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

2	Độ ẩm	%	73,7	73,6	73,4	78,6	78,1	78,5	40-80 (*)
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,4	0,4	0,5	0,5	0,6	0,2-1,5(*)
4	Tiếng ồn	dBA	71,1	70,8	68,7	75,1	75,5	73,2	85 (**)
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	-	-	0,3	-	-	0,32	8 (***)
6	Ánh sáng	Lux	810	840	840	785	805	817	750(****)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ LD1: Khu vực chuyền may 13; Tọa độ: (X:1720781; Y:0578177).

+ LD2: Khu vực chuyền may 15; Tọa độ: (X:1720781; Y:0578175).

+ LD3: Khu vực chuyền may 17; Tọa độ: (X:1720752; Y:0578179).

- (*) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.

- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- (***) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.

- (****) QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD10, LD11, LD12 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 08/9/2022			Đợt 2 24/9/2022			QCVN so sánh
			LD10	LD11	LD12	LD10	LD11	LD12	
1	Nhiệt độ	°C	29,1	29,1	29,6	28,5	28,7	28,5	18÷32 (*)
2	Độ ẩm	%	79	79	77,2	79,5	79,5	78,9	40-80 (*)
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,4	0,4	0,4	0,2	0,5	0,2-1,5(*)
4	Tiếng ồn	dBA	63,1	59,7	60,5	68,5	67,5	67,7	85 (**)
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,38	0,5	0,34	0,47	0,54	0,41	8 (***)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

6	Ánh sáng	Lux	580	590	830	531	839	527	750(****)
---	----------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----------

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ LĐ10: Khu vực vực đóng thùng; Tọa độ: (X:1720731; Y:0578149).

+ LĐ11: Khu vực vô bao; Tọa độ: (X:1720709; Y:0578135).

+ LĐ12: Khu vực kiểm hàng hoàn thành; Tọa độ: (X:1720750; Y:0578114).

- (*) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.

- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- (***) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.

- (****) QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.5. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LĐ13, LĐ14, LĐ15 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 08/9/2022			Đợt 2 24/9/2022			QCVN so sánh
			LĐ13	LĐ14	LĐ15	LĐ13	LĐ14	LĐ15	
1	Nhiệt độ	°C	29,2	30,9	31,9	28,5	28,5	29,5	18÷32 (*)
2	Độ ẩm	%	78,9	78,5	74,8	78,5	78,5	77,1	40-80 (*)
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,65	0,3	0,6	0,3	0,2	0,2-1,5(*)
4	Tiếng ồn	dBA	65,1	59,6	64,2	71	70,5	74,7	85 (**)
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,38	0,29	0,262	0,34	0,31	0,29	8 (***)
6	Ánh sáng	Lux	460	460	-	515	516	-	300(****)
			-	-	90	-	-	93	KQĐ
7	CO ¹	mg/m ³	-	-	<3	-	-	<3	40

Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + LD13: Khu vực đầu ủi. Tọa độ: (X:1720754; Y:0578171).
- + LD14: Khu vực cuối ủi. Tọa độ: (X:1720759; Y:0578170).
- + LD15: Khu vực lò hơi. Tọa độ: (X:1720752; Y:0578158).
- (*) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.
- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- (***) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.
- (****) QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.6. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại LD16, LD17, LD18 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 08/9/2022			Đợt 2 24/9/2022			QCVN so sánh
			LD16	LD17	LD18	LD16	LD17	LD18	
1	Nhiệt độ	°C	29,1	28,7	29,4	28,5	28,8	28,8	18÷32 (*)
2	Độ ẩm	%	79,7	79,5	78,9	77,5	78,5	78,5	40-80 (*)
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,4	0,3	0,2	0,6	0,5	0,2-1,5(*)
4	Tiếng ồn	dBA	56,8	61,2	56,7	73,7	62,2	61,1	85 (**)
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,39	0,34	0,41	0,41	0,37	0,48	8 (***)
6	Ánh sáng	Lux	-	550	-	-	450	-	750(****)
			540	-	170	611	-	415	Không quy định
7	Acetone	mg/m ³	KPH	KPH	-	KPH	KPH	-	1000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + LD16: Khu vực phòng tẩy hàng. (X:1720755; Y:0578136).
- + LD17: Khu vực cắt; Tọa độ (X: 1720688; Y: 0578114).
- + LD18: Khu vực kho vải. Tọa độ (X: 1720701; Y: 0578125).
- (*) QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.
- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- (***) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.
- (****) QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng.
- KPH: Không phát hiện.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.7. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại KK1, KK2, KK3 năm 2022.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 02:2019/BYT
			KK1	KK2	KK3	
1	Tiếng ồn	dBA	61,2	68,7	70,7	85 (*)
2	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,25	0,28	0,29	8

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + KK1: Khu vực xưởng cắt. Tọa độ (X: 1720688; Y: 0578125).
- + KK2: Khu vực xưởng may 1. Tọa độ (X: 1720738; Y: 0578184).
- + KK3: Khu vực xưởng may 2. Tọa độ (X: 1720702; Y: 0578200).
- QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.
- (**) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn tiêu chuẩn cho phép.

Bảng 5.8. Kết quả phân tích chất lượng không khí môi trường lao động tại KK4, KK5 năm 2022.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2019/BYT
			KK4	KK5	
1	Tiếng ồn	dBA	61,2	65,8	85 (*)
2	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,23	0,32	8 (**)
3	CO	mg/m ³	<3	-	40
4	NO ₂	mg/m ³	0,055	-	10
5	SO ₂	mg/m ³	0,067	-	10

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK4: Khu vực lò hơi; Tọa độ (X: 1720763; Y: 0578196).

+ KK5: Khu vực hoàn thành. Tọa độ (X: 1720752; Y: 0578146).

- QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hoá học tại nơi làm việc.

- (*) QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- (**) QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.9. Kết quả phân tích môi trường không khí bên trong ngày 22/03/2023

Chỉ tiêu Điểm đo	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
K1: Khu vực xưởng cắt	30,1	54,9	498	71,9
K2: Khu vực xưởng may 1	31,2	56,2	265	69,5
K3: Khu vực xưởng may 2	30,7	53,1	302	70,8
K4: Khu vực xưởng hoàn thành	29,9	56,4	286	72,1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**Cơ sở: Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina**

K5: Khu vực lò hơi	33,5	55,2	274	69,3
Quy chuẩn so sánh				
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	≤85
QCVN 26:2016/BYT	20-34	40-80	-	-
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥200	-

Ghi chú:

- QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.10. Kết quả phân tích khí thải tại nguồn ngày 23/03/2023

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi mg/m³	SO₂ mg/m³	NO₂ mg/m³	CO mg/m³
E1: Bên trong ống khói lò hơi Nhiên liệu: Củi	32	15	161	527
Quy chuẩn so sánh				
QCVN 19:2009/BTNMT, (K=1, Cột B)	200	500	850	1000

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét:**Chủ Cơ sở: Công ty TNHH YS VINA****Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghiệp môi trường QNVINA**

Qua kết quả phân tích và so sánh với các QCVN tất cả các thông số đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Bảng 5.11. Kết quả phân tích khí thải tại ống khói lò hơi ngày 13/04/2023

STT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	474	-
2	CO	mg/Nm ³	2034	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	44,5	500
4	NO ₂	mg/Nm ³	95,5	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét:

Qua kết quả phân tích cho thấy nồng độ khí CO vượt 2,034 lần so với quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT. Các thông số còn lại đều thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu YS Vina không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, do đó theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 sẽ tiến hành lấy ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, kế hoạch vận hành thử nghiệm của Cơ sở như sau:

1.1. Vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý khí thải.

1.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Theo điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP thì thời gian vận hành thử nghiệm do chủ Cơ sở đầu tư tự quyết định nhưng không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Thời gian dự kiến lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định của nhà máy được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm khí thải của nhà máy

TT	Nội dung kế hoạch	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
1	Vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải	10 ngày sau khi có giấy phép môi trường	3 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm	100%

1.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nên chủ đầu tư lựa chọn quan trắc 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (Theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường). Thời gian, vị trí, tần suất, thông số quan trắc được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định

TT	Nội dung	Bụi, khí thải
1	Thời gian	Đợt 1: Sau 60 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Đợt 2: Sau đợt 1 một ngày Đợt 3: Sau đợt 2 một ngày.
2	Vị trí	Bụi, khí thải đầu ra sau hệ thống xử lý bụi, khí thải
3	Tần suất	1 lần/ngày, 3 ngày liên tiếp
4	Thông số	Bụi, SO ₂ , NO ₂ , CO
5	Quy chuẩn so sánh	QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Đài khí tượng thủy văn khu vực Trung Trung bộ

Ghi chú: Đài khí tượng thủy văn khu vực Trung Trung Bộ, Số Vimcerts: VIMCERTS 036 là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn theo Quyết định số 1593/QĐ-BTNMT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Trung Trung Bộ trực thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy Văn do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 15/6/2023. (Quyết định được đính kèm tại phụ lục văn bản).

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 97 và khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Cơ sở Công ty may YS VINA không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động, liên tục chất thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Quan trắc nước thải: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. (Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải. (Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

2.3. Chương trình giám sát đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

Bảng 6.3. Chương trình giám sát CTR, CTNH

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu giám sát	Tần suất giám sát	Khối lượng giám sát	Cơ sở so sánh, đánh giá
1	Giám sát CTR	Công tác thu gom, tập kết và lưu trữ CTR	Thường xuyên	Toàn Cơ sở, thông qua sổ sách theo dõi	Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
2	Giám sát CTNH	Công tác thu gom, tập kết và lưu trữ CTNH	Thường xuyên	Toàn Cơ sở, thông qua sổ sách theo dõi	Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc chất thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định nên kinh phí thực hiện việc quan trắc môi trường hằng năm chủ yếu là kinh phí thanh toán cho các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

Kinh phí này do thỏa thuận giữa Chủ Cơ sở và đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

- Ngày 13/4/2023, tiếp đón Phòng Cảnh sát PCTP về Môi trường của Công an tỉnh Quảng Nam, nhằm tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Nhà máy gia công hàng may mặc thuộc Công ty TNHH YS VINA. Theo đó qua kết quả kiểm tra, thực tế cho thấy:

+ Tại thời điểm kiểm tra, Công ty TNHH YS VINA đang hoạt động sản xuất bình thường với số lượng công nhân là 573 người, nhà máy sản xuất gia công hàng may mặc và lò hơi hoạt động bình thường.

+ Đoàn kiểm tra thu 01 mẫu khí thải sau xử lý, xả ra môi trường (tại vị trí ống khói lò hơi) của Công ty TNHH YS Vina để đánh giá chất lượng khí thải, xả thải ra môi trường (có biên bản thu mẫu kèm theo) để phân tích đánh giá chất lượng khí thải.

+ Lưu lượng xả khí thải thực tế tại thời điểm kiểm tra là: 474 m³/giờ (căn cứ theo kết quả đo lưu lượng khí thải của đơn vị thu mẫu).

Theo đó, qua quá trình kiểm tra về công tác BVMT, Đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty thực hiện như sau:

+ Đề nghị Công ty TNHH YS VINA, trong quá trình hoạt động, sản xuất thường xuyên thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ Sau khi có kết quả phân tích, đánh giá chất lượng mẫu khí thải của Công ty. Đoàn kiểm tra sẽ tiếp tục mời Lãnh đạo Công ty làm việc để thông báo mẫu khí thải theo quy định và hoàn thiện hồ sơ việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với Công ty.

- Kết quả kiểm định mẫu khí thải đối với Nhà máy sản xuất gia công hàng may mặc thuộc Công ty TNHH YS VINA có kết quả như sau:

+ Tại thời điểm kiểm tra, Nhà máy hoạt động sản xuất bình thường. Đoàn kiểm tra tiến hành thu 01 mẫu khí thải sau xử lý (tại vị trí ống khói của nhà máy) xả thải ra môi trường (Mẫu khí thải: Toạ độ VN2000, X=1720759m; Y:578195m có biên bản thu mẫu kèm theo) để phân tích đánh giá chất lượng mẫu khí thải.

+ Căn cứ theo kết quả đo lưu lượng khí thải của Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Quảng Nam, xác định lưu lượng khí thải công nghiệp thải vào môi trường thực tế của nhà máy tại thời điểm kiểm tra là: 474 m³/giờ.

Quá trình kiểm tra thu mẫu của Đoàn kiểm tra đúng quy định của pháp luật, lò hơi đang hoạt động bình thường, có sự chứng kiến của lãnh đạo nhà máy. Công nhân vận hành hệ thống khí thải và đại diện Công an phường Trường Xuân, thành phố Tam Kỳ.

+ Căn cứ kết quả phân tích mẫu khí thải tại phiếu kết quả thử nghiệm số: 113/KQ/2023 ngày 17/4/2023 của Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam. Thông báo kết luận kiểm định khí thải số: 338/TB-PC05 ngày 17/4/2023 của Trưởng phòng Cảnh sát môi trường, xác định: Công ty TNHH YS VINA có hành vi vi phạm pháp luật về BVMT như sau:

+ Khí thải có chứa thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải. Cụ thể: Thông số Cacbon monoxit (CO) vượt 2,034 lần so với QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị Cmax, cột B, Kp = 1, Kv = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

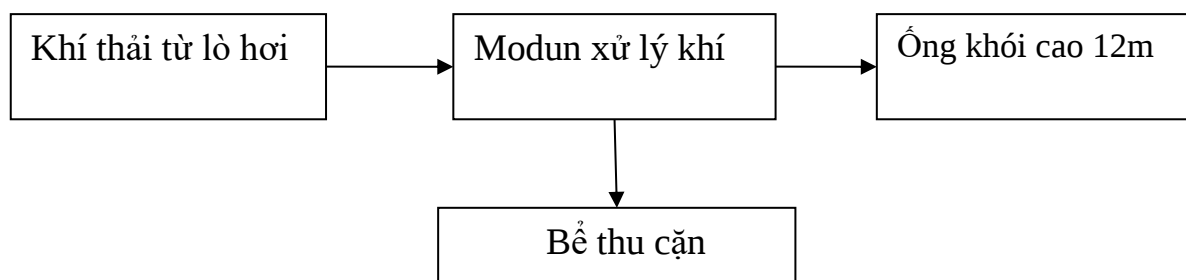
- Ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công an tỉnh Quảng Nam quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 880/QĐ-XPHC đối với Công ty TNHH YS VINA.

* Ngày 28 tháng 10 năm 2023 Công ty TNHH YS VINA đã thực hiện quyết định số 880/QĐ-XPHC ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Công an tỉnh Quảng Nam và các biện pháp khắc phục tại Công ty TNHH YS VINA với các nội dung cụ thể như sau:

- Chấp hành nghiêm túc và thực hiện đầy đủ các quy định tại điều 1 của QĐ số 880/QĐ-XPHC ngày 27/04/2023 của Công an tỉnh Quảng Nam.

- Thực hiện biện pháp khắc phục bằng các điều chỉnh, cải tạo lại hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường như sau:

+ Sơ đồ công nghệ:



Hình 7.1. Sơ đồ xử lý khí thải

Thuyết minh công nghệ:

Khi lò đốt hoạt động nhiên liệu được cấp vào buồng đốt. Lượng nhiên liệu này bị đốt cháy sẽ tỏa ra một lượng nhiệt để chuyển hóa nước từ thể lỏng sang thể hơi. Đồng thời lượng nhiên liệu bị đốt sẽ tạo ra một lượng khí thải, chủ yếu là khí cacbonic (CO_2), Mono oxit (CO) và bụi tro. Bụi tro được thu gom bằng hệ thống khép kín. Lượng tro này sẽ được gom lại làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh hoặc bón cho cây xanh. Lượng khí thải tạo ra cũng được xử lý bằng hệ thống xử lý khí thải khép kín, đảm bảo không gây ra ô nhiễm môi trường sinh thái.

Khói thải sau khi trao đổi nhiệt trong nồi hơi được dẫn qua hệ thống xử lý. Khói sau khi đi qua khói lò hơi sẽ tiếp tục dẫn vào Hệ thống xử lý hấp thụ, có vật liệu xử lý khí, tại đây dòng khói bụi được lọc qua hệ thống bơm và bột phun; những hạt bụi có kích thước rất nhỏ sẽ rơi xuống bể tách cặn. Tại đây những hạt bụi nhỏ sẽ tiếp xúc với nước và qua không gian đột mở, các hạt bụi mất động năng rơi xuống bể thu hồi thành bùn hữu cơ.

Khói sạch sau khi xử lý được dẫn lên ống khói 12m ra ngoài môi trường tiếp tục phân tán vào khí quyển.

Nước thải và bụi sau khi thu hồi về bể cho quá trình xử lý khí thải và nước thải chứa các chất kết tủa, bùn cặn được định kỳ xả vào bể tách cặn, phần bùn cặn dưới đáy bể sẽ tiến hành xử lý định kỳ.

+ Kết quả xử lý:

Bảng 7.1. Kết quả xử lý khí thải 1 ngày 21/09/2023⁵

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	
1	Lưu lượng	m^3/h	US EPA Method 2	1.126	-
2	Bụi tổng	m^3/h	US EPA Method 5	17,6	200
3	CO	m^3/h	HD-03-14-01	250	1.000
4	NO ₂	m^3/h	HD-03-14-01	15,7	500
5	SO ₂	m^3/h	HD-03-14-01	16,0	850

⁵ Kết quả quan trắc từ Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường.

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã được đầu tư xây dựng và hoạt động ổn định trong suốt thời gian qua. Chất lượng khí thải sau xử lý: QCVN 19:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, lưu lượng $P=2.908 \text{ m}^3/\text{h}$, chọn $K_p=1$; Công ty nằm trong nội thị Tam Kỳ nên chọn $K_v=0,8$)

- Nguồn tiếp nhận khí thải: Khuôn viên công ty thuộc Cụm công nghiệp Trường Xuân, Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- KT1: Mẫu khí thải lấy tại ống khói của lò hơi.

Tọa độ vị trí nơi xả khí và nguồn tiếp nhận khí thải (hệ VN2000, kinh tuyến $107045'$, múi chiếu 30): $X(m)=1720765$, $Y(m)=578190$.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Căn cứ theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/12/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH YS VINA xin cam kết như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ:
 - + Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm về các thông tin và số liệu đưa ra trong báo cáo.
 - + Đảm bảo về tính chính xác, trung thực của các số liệu, tài liệu đính kèm trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn:
 - + Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, trang bị đầy đủ hệ thống máy móc, thiết bị dự phòng, thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của máy móc, sửa chữa kịp thời máy móc bị hư hỏng. Tu dưỡng định kỳ và thường xuyên tập huấn nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
 - + Chủ cơ sở cam kết chất thải rắn phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường – Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chất thải thông thường được chuyển giao cho đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo quy định mà chủ cơ sở đã ký hợp đồng. Riêng đối với CTNH, cơ sở sẽ thu gom, lưu trữ theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT được ban hành ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sau đó sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Giấy chứng nhận đầu tư;
3. Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;
4. Hợp đồng thuê đất;
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
6. Lý lịch lò hơi;
7. Kiểm định lò hơi;
8. Hoá đơn sử dụng điện năm 2023;
9. Hoá đơn sử dụng nước năm 2023;
10. Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
11. Hợp đồng vận hành thu gom, xử lý nước thải;
12. Hợp đồng mua bán củi trấu;
13. Hợp đồng vận chuyển tro;
14. Hợp đồng thu gom phế liệu;
15. Hợp đồng thu gom vải vụn;
16. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt năm 2024;
17. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại năm 2024;
18. Chứng từ thu gom CTNH các đợt năm 2023, 2024;
19. Biên bản thanh tra, kiểm tra năm 2023;
20. Bản vẽ mặt bằng nhà máy.